

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 786/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 3 năm 2026

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Danh mục ngành nghề cần đào tạo sau đại học,  
đào tạo chuyên sâu tại các cơ quan, địa phương  
thuộc tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nhân tài trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;*

*Căn cứ Công văn số 447-CV/TU ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai Kết luận số 205-KL/TW ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1964/TTr-SNV ngày 06 tháng 3 năm 2026.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục ngành nghề cần đào tạo sau đại học, đào tạo chuyên sâu tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030.

**Điều 2.** Danh mục ngành nghề cần đào tạo sau đại học, đào tạo chuyên sâu là cơ sở để xem xét việc cử đi đào tạo và là căn cứ để giải quyết chế độ hỗ trợ đào

tạo sau khi hoàn thành chương trình đối với các đối tượng áp dụng được quy định tại Điều 1 Quy định chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nhân tài trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo thuộc các ngành, chuyên ngành tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc khóa học.

2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, các trường hợp cử đi đào tạo mới phải tuân thủ Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này.

### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục ngành, nghề cần đào tạo sau đại học, đào tạo chuyên sâu tại các cơ quan, địa phương thuộc tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC**

**Ngành nghề cần đào tạo sau đại học, đào tạo chuyên sâu  
tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030**  
(Kèm theo Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

<b>STT</b>	<b>Ngành/ Chuyên ngành<sup>1</sup></b>	<b>Lĩnh vực</b>
1	Ngành Sản xuất chế biến	Công nghiệp
2	Ngành Quản lý công nghiệp	
3	Ngành Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật	
4	Ngành Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	
5	Ngành Kỹ thuật điện	
6	Ngành Kỹ thuật dầu khí/Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu	
7	Ngành Vật lý nguyên tử và hạt nhân	
8	Ngành Quản lý năng lượng	
9	Ngành Nông nghiệp	Nông nghiệp - Môi trường
10	Ngành Thủy sản	
11	Ngành Lâm nghiệp	
12	Ngành Thú y	
13	Ngành Môi trường và Bảo vệ môi trường	
14	Ngành Khoa học Môi trường	Khoa học - Công nghệ
15	Ngành Công nghệ thông tin	
16	Ngành Máy tính	
17	Ngành Khoa học dữ liệu	
18	Ngành Sinh học ứng dụng	

<sup>1</sup> Việc xác định tên gọi các ngành/chuyên ngành đào tạo được căn cứ theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

19	Ngành Hải dương học	
20	Ngành Y học	Y tế và Chăm sóc sức khỏe
21	Ngành Dược học	
22	Ngành Kỹ thuật y học	
23	Ngành Y tế công cộng	
24	Ngành Quản lý Y tế	
25	Ngành Dinh dưỡng	
26	Ngành Răng - Hàm - Mặt	
27	Ngành Điều dưỡng - Hộ sinh	
28	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Kinh tế - Thương mại - Dịch vụ
29	Ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	
30	Ngành Ngôn ngữ, văn hóa và văn hóa Việt Nam	
31	Ngành Du lịch	
32	Ngành Kiến trúc và Xây dựng	
33	Ngành Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	
34	Ngành Luật	
35	Ngành Kinh tế học	
36	Ngành Kinh doanh và Quản lý	
37	Ngành Khai thác vận tải	
38	Ngành Công tác xã hội	
39	Ngành Nghệ thuật trình diễn	
40	Ngành Khoa học chính trị	
41	Ngành Báo chí và truyền thông	
42	Ngành Quản trị - Quản lý	
43	Ngành Thể dục, Thể thao	